

QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Tài chính số 75/2004/QĐ-BTC ngày 16/9/2004 quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép thành lập, đăng ký, hành nghề đối với tổ chức luật sư nước ngoài và luật sư nước ngoài tại Việt Nam.

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05/11/2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01/7/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 87/2003/NĐ-CP ngày 22/7/2003 của Chính phủ về hành nghề của tổ chức luật sư nước ngoài, luật sư nước ngoài tại Việt Nam;

Theo đề nghị của Bộ Tư pháp (tại Công văn số 1108/T-BTTP ngày 16/7/2004) và theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách thuế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết

định này Biểu mức thu lệ phí cấp giấy phép thành lập, đăng ký, hành nghề đối với tổ chức luật sư nước ngoài và luật sư nước ngoài tại Việt Nam.

Điều 2. Tổ chức luật sư nước ngoài, luật sư nước ngoài xin cấp giấy phép thành lập, đăng ký hoạt động, thay đổi nội dung giấy phép, xin cấp giấy phép hành nghề tại Việt Nam phải nộp lệ phí theo mức thu tại Biểu mức thu quy định kèm theo Quyết định này khi nộp hồ sơ xin cấp giấy phép thành lập, đăng ký hoạt động, thay đổi nội dung giấy phép, xin cấp giấy phép hành nghề tại Việt Nam.

Điều 3. Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép, thay đổi nội dung giấy phép thành lập tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam, cho phép lập chi nhánh, công ty luật nước ngoài, công ty luật hợp danh nước ngoài và Việt Nam, cấp giấy phép cho luật sư nước ngoài hành nghề tại Việt Nam có nhiệm vụ tổ chức thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí theo quy định tại Quyết định này (dưới đây gọi chung là cơ quan thu).

Điều 4. Lệ phí cấp giấy phép thành lập, đăng ký, hành nghề đối với tổ chức luật sư nước ngoài và luật sư nước ngoài tại Việt Nam quy định tại Quyết định này là khoản thu thuộc ngân sách nhà nước, được quản lý, sử dụng như sau:

1. Cơ quan thu lệ phí cấp giấy phép thành lập, hành nghề đối với tổ chức luật sư nước ngoài và luật sư nước ngoài tại Việt Nam được trích 50% (năm mươi

phần trăm) trên tổng số tiền thu về lệ phí để trang trải chi phí cho việc thu lệ phí.

2. Cơ quan thu lệ phí cấp đăng ký hoạt động đối với tổ chức luật sư nước ngoài tại Việt Nam được trích 90% (chín mươi phần trăm) trên tổng số tiền thu về lệ phí để trang trải chi phí cho việc thu lệ phí.

3. Phần lệ phí để lại cho cơ quan thu theo quy định tại điểm 1 và điểm 2 Điều này được chi dùng cho các nội dung sau:

a) Chi phí phục vụ công tác thẩm định hồ sơ;

b) Chi phí in giấy phép, biểu mẫu, hồ sơ;

c) Chi phí mua văn phòng phẩm, vật tư văn phòng, thông tin liên lạc, thiết bị cần thiết và các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc cấp giấy phép, đăng ký hoạt động, thay đổi nội dung giấy phép thành lập của tổ chức luật sư nước ngoài, cấp giấy phép hành nghề, gia hạn giấy phép hành nghề của luật sư nước ngoài tại Việt Nam;

d) Chi phí sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn tài sản, thiết bị phục vụ trực tiếp công tác thu lệ phí;

đ) Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho cán bộ, nhân viên thẩm định hồ sơ và thu lệ phí trong đơn vị. Mức trích lập 2 (hai) quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi, bình quân một năm, một người tối đa không quá 3 (ba) tháng lương thực hiện nếu số thu năm nay cao hơn năm trước và bằng 2 (hai) tháng lương thực hiện nếu số thu năm nay thấp hơn hoặc bằng năm trước.

Toàn bộ số tiền lệ phí được trích theo quy định trên đây, cơ quan thu lệ phí phải sử dụng đúng mục đích, có chứng từ hợp pháp theo chế độ quy định và quyết toán năm; nếu sử dụng không hết trong năm thì được chuyển sang năm sau để tiếp tục chi theo chế độ quy định.

4. Tổng số tiền lệ phí thu được, sau khi trừ số tiền được trích để lại theo tỷ lệ nêu tại điểm 2 và điểm 3 Điều này, số còn lại phải nộp vào ngân sách nhà nước theo chương, loại, khoản tương ứng, mục 047, tiểu mục 29 của mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

Điều 5.

1. Quyết định này có hiệu lực sau ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

2. Bãi bỏ Thông tư số 842/LB-TT ngày 21/9/1995 của liên Bộ Tư pháp - Tài chính quy định chế độ thu, quản lý, sử dụng lệ phí cấp Giấy phép đặt Chi nhánh của tổ chức luật sư nước ngoài tại Việt Nam, gia hạn hoạt động của Chi nhánh, thay đổi nội dung Giấy phép.

3. Các vấn đề khác liên quan đến việc thu, nộp, quản lý, sử dụng và công khai chế độ thu lệ phí không đề cập tại Quyết định này được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí.

4. Mọi quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 6. Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng phải nộp lệ phí, đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức thu lệ phí cấp giấy phép thành lập, đăng ký, hành nghề đối với tổ chức luật sư nước ngoài và luật sư nước ngoài tại Việt Nam và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Thứ trưởng

Trương Chí Trung

**BIỂU MỨC THU LỆ PHÍ CẤP GIẤY PHÉP THÀNH LẬP, ĐĂNG KÝ,
HÀNH NGHỀ ĐỐI VỚI TỔ CHỨC LUẬT SƯ NƯỚC NGOÀI
VÀ LUẬT SƯ NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM**
(ban hành kèm theo Quyết định số 75/2004/QĐ-BTC
ngày 16/9/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

| Số thứ tự | Tên lệ phí | Đơn vị tính | Mức thu (đồng) |
|-----------|--|--------------|----------------|
| 1 | Lệ phí cấp giấy phép thành lập chi nhánh của tổ chức luật sư nước ngoài, công ty luật nước ngoài, công ty luật hợp danh nước ngoài và Việt Nam. | Lần cấp | 15.000.000 |
| 2 | Lệ phí thay đổi nội dung giấy phép thành lập chi nhánh của tổ chức luật sư nước ngoài, công ty luật nước ngoài, công ty luật hợp danh nước ngoài và Việt Nam, bao gồm một trong các nội dung sau đây: a) Tên gọi; b) Trụ sở từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác; c) Trưởng Chi nhánh, Giám đốc công ty luật nước ngoài, Giám đốc công ty luật hợp danh nước ngoài và Việt Nam; d) Lĩnh vực hành nghề. | Lần thay đổi | 3.000.000 |
| 3 | Lệ phí đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức luật sư nước ngoài, công ty luật nước ngoài, công ty luật hợp danh nước ngoài và Việt Nam. | Lần đăng ký | 300.000 |
| 4 | Lệ phí cấp giấy phép hành nghề của luật sư nước ngoài tại Việt Nam. | Lần cấp | 1.500.000 |
| 5 | Lệ phí gia hạn giấy phép hành nghề của luật sư nước ngoài tại Việt Nam. | Lần gia hạn | 500.000 |